

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D14XDD
TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 324

HỌC KỲ 4
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 30/07/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	20								70	100		
1	142210697	BÙI HỒNG	AN	D14XDD	10	5.5							5.5	6.0	Sầu		
2	142210698	HOÀNG QUANG	BÁCH	D14XDD	10	7.5							5	6.0	Sầu		
3	142210700	NGUYỄN QUỐC	CUÔNG	D14XDD	10	6.5							5	5.8	Nằm pháy Tầm		
4	142210701	NGUYỄN ĐỨC	CUÔNG	D14XDD	4	3.5							V	0.0	Khăng		
5	142210702	NGUYỄN TRỌNG	DANH	D14XDD	10	5.5							5	5.6	Nằm pháy Sầu		
6	142210703	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	D14XDD	10	5.5							6.5	6.7	Sầu pháy Baý		
7	142210704	LÊ QUỐC	ĐỊNH	D14XDD	4	3.5							V	0.0	Khăng		
8	142210705	LÊ NGỌC	DU	D14XDD	4	3.5							V	0.0	Khăng		
9	142210706	LÊ TÂN	DUẤN	D14XDD	10	5.5							5.5	6.0	Sầu		
10	142210707	NGUYỄN THỊ HUƠNG	GIANG	D14XDD	10	7.5							6.5	7.1	Baý pháy Mắti		
11	142210710	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	HẬU	D14XDD	10	7.5							6.5	7.1	Baý pháy Mắti		
12	142210711	NGUYỄN TIẾN	HẬU	D14XDD	10	6.5							5	5.8	Nằm pháy Tầm		
13	142210712	NGUYỄN VĂN	HIỀN	D14XDD	10	7							7	7.3	Baý pháy Ba		
14	142210715	NGUYỄN ĐÌNH	HIỆP	D14XDD	10	4.5							4	4.7	Bấ pháy Baý		
15	142210716	NGÔ ĐỨC	HIẾU	D14XDD	10	7							5.5	6.3	Sầu pháy Ba		
16	142210717	TRẦN NGỌC	HOÀI	D14XDD	10	6.5							5.5	6.2	Sầu pháy Hai		
17	142210718	TRẦN QUANG	HOÀNG	D14XDD	0	0							HP	0.0	Khăng		
18	142210719	NGUYỄN MINH	HOÀNG	D14XDD	10	4.5							3	4.0	Bấ		
19	142210720	VÕ HỮU	HÙNG	D14XDD	10	6							4.5	5.4	Nằm pháy Bấ		
20	142210721	LƯƠNG DUY	HÙNG	D14XDD	10	6							6.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
21	142210722	VŨ ĐÌNH	HƯNG	D14XDD	4	3.5							5	4.6	Bấ pháy Sầu		
22	142210724	PHAN VĂN	HUY	D14XDD	10	7.5							5	6.0	Sầu		
23	142210725	NGUYỄN THÀNH	KHÁNH	D14XDD	10	7.5							6.5	7.1	Baý pháy Mắti		
24	142210727	NGUYỄN HỮU	LÂN	D14XDD	10	7.5							6.5	7.1	Baý pháy Mắti		
25	142210728	NGUYỄN HOÀNG	LINH	D14XDD	10	6							7	7.1	Baý pháy Mắti		
26	142210729	NGUYỄN SỸ	LONG	D14XDD	10	6							5	5.7	Nằm pháy Baý		
27	142210730	NGUYỄN THÀNH	LONG	D14XDD	10	5.5							6	6.3	Sầu pháy Ba		
28	142210731	NGÔ VĂN	LONG	D14XDD	10	5.5							7	7.0	Baý		
29	142210732	THÁI NAM	LONG	D14XDD	10	5.5							6	6.3	Sầu pháy Ba		
30	142210733	VÕ KHẮC	LUẬN	D14XDD	4	3.5							5	4.6	Bấ pháy Sầu		
31	142210734	LÊ CÔNG	MẦN	D14XDD	4	3.5							5.5	5.0	Nằm		
32	142210735	NGUYỄN TIẾN	NHÂN	D14XDD	4	3.5							4.5	4.3	Bấ pháy Ba		
33	142210736	LÊ HỮU	NHẬT	D14XDD	10	6.5							6.5	6.9	Sầu pháy Chên		
34	142210737	BÙI NGUYỄN	PHONG	D14XDD	4	3.5							4	3.9	Ba pháy Chên		
35	142210738	NGUYỄN TRỌNG	PHÚ	D14XDD	10	7.5							5	6.0	Sầu		
36	142210739	VÕ NHƯ	PHƯƠNG	D14XDD	10	4.5							6	6.1	Sầu pháy Mắti		
37	142210741	NGUYỄN ĐĂNG	QUANG	D14XDD	10	6							4.5	5.4	Nằm pháy Bấ		
38	142210742	HỒ VĂN	QUỐC	D14XDD	10	5.5							4	4.9	Bấ pháy Chên		
39	142210743	NGUYỄN TÂN	QUỐC	D14XDD	4	3.5							HP	0.0	Khăng		
40	142210744	NGUYỄN ĐỒNG	SÁNG	D14XDD	10	7.5							6	6.7	Sầu pháy Baý		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	20							70	100			
41	142210745	PHAN THANH SƠN	D14XDD	10	5.5							5.5	6.0	Sầu		
42	142210746	LIU VĂN TÂM	D14XDD	10	5							6	6.2	Sầu pháp Hai		
43	142210747	PHẠM VIỆT THẮNG	D14XDD	10	6.5							5	5.8	Nằm pháp Tâm		
44	142210748	LÊ PHƯỚC THANH	D14XDD	10	5							5	5.5	Nằm pháp Năm		
45	142210749	PHAN VĂN THANH	D14XDD	10	5							5	5.5	Nằm pháp Năm		
46	142210750	NGUYỄN PHÚ THÀNH	D14XDD	10	7							7	7.3	Bá pháp Ba		
47	142210751	ĐỖ VĂN THẠO	D14XDD	10	6.5							6	6.5	Sầu pháp Năm		
48	142210752	NGUYỄN QUỐC THỊNH	D14XDD	4	3.5							HP	0.0	Khăng		
49	142210755	ĐẶNG XUÂN SƠN TRÀ	D14XDD	10	7							6	6.6	Sầu pháp Sầu		
50	142210757	NGUYỄN VĂN TUÂN	D14XDD	4	3.5							4	3.9	Ba pháp Chên		
51	142210758	LÊ THANH TUẤN	D14XDD	10	7							V	0.0	Khăng		
52	142210759	NGUYỄN TÂN TUẤN	D14XDD	4	3.5							V	0.0	Khăng		
53	142210760	VĂN HỒNG VIỆT	D14XDD	4	3.5							5	4.6	Bá pháp Sầu		
54	142210761	NGUYỄN QUỐC VIỆT	D14XDD	10	7							5	5.9	Nằm pháp Chên		
55	142210762	NGUYỄN LÊ VIỆT	D14XDD	4	3.5							HP	0.0	Khăng		
56	142210764	PHAN ANH VŨ	D14XDD	0	0							HP	0.0	Khăng		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	44	79%	
2	Số sinh viên nợ	12	21%	
TỔNG CỘNG :		56	100%	

LẬP BẢNG

Kiểm tra
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 08 năm 2010

PHÒNG ĐÀO TẠO

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Ân